



THỰC TRẠNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC QUẢN LÝ GIÁO DỤC

PHAN VĂN NHÂN

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
Email: thucnghiem106@yahoo.com

Tóm tắt: Bài viết trình bày một số kết quả nghiên cứu về thực trạng nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục. Kết quả nghiên cứu chỉ ra những hạn chế trong nghiên cứu, cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn quản lý giáo dục và áp dụng những kết quả nghiên cứu vào thực tiễn quản lý giáo dục. Từ những thực trạng và bất cập nói trên, các nhà nghiên cứu và quản lý giáo dục có cơ sở thực tiễn, đề xuất những giải pháp phát triển bộ môn Khoa học quản lý giáo dục, đáp ứng kịp thời sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục của nước nhà.

Từ khóa: Thực trạng; nghiên cứu khoa học; quản lý giáo dục.

(Nhận bài ngày 04/4/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 15/5/2016; Duyệt đăng ngày 25/8/2016).

1. Mở đầu

Quản lý giáo dục (QLGD) là một lĩnh vực khoa học còn non trẻ đối với thế giới, đặc biệt với Việt Nam. Vào những năm 90 của thế kỷ XX, Khoa học QLGD lúc đầu chỉ là một phân môn của Khoa học giáo dục, được giảng dạy như một chuyên đề trong các trường sư phạm và được tiến hành nghiên cứu trong một số viện nghiên cứu về giáo dục. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn đổi mới và phát triển giáo dục, bộ môn khoa học QLGD đã từng bước được hình thành và phát triển. Mặc dù quá trình hình thành và phát triển có nhiều gián đoạn nhưng kết quả nghiên cứu của nó đã có nhiều đóng góp rất quan trọng cho việc xây dựng nền móng lý luận về khoa học QLGD, nghiên cứu, đổi mới và giải quyết nhiều vấn đề thực tiễn về QLGD. Trong những năm gần đây, khoa học QLGD đã phát triển rất mạnh từ nghiên cứu triển khai các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn giáo dục đến tổ chức đào tạo, bồi dưỡng trong các viện nghiên cứu, học viện, các trường đại học ở các trình độ khác nhau.

2. Khoa học quản lý giáo dục

Sự hình thành một bộ môn khoa học hay một khoa học mới đều xuất phát từ một tiên đề khoa học. Ví dụ từ tiên đề Eclide “từ một điểm ngoài một đường thẳng trong cùng một mặt phẳng, người ta có thể vẽ được một đường thẳng song song với đường thẳng ấy và chỉ một mà thôi” đã dẫn đến hình thành một bộ môn khoa học, hình học. Hàng loạt bộ môn khoa học được hình thành dựa trên sự phát hiện mới về những quy luật tự nhiên và xã hội và từ nhu cầu hoạt động thực tiễn của con người. Sự hình thành một bộ môn khoa học mới có thể từ hai con đường, đó là sự phân lập hay sự tích hợp các khoa học:

- Sự phân lập khoa học thành: Triết học, logic, xã hội học, khoa học giáo dục, quản trị học...
- Sự tích hợp các khoa học thành: QLGD, triết học giáo dục, kinh tế học giáo dục, xã hội học giáo dục...

Khoa học QLGD được hình thành trên cơ sở tích hợp các khoa học và được coi là một khoa học ứng dụng về hành vi, được xây dựng trên cơ sở các khoa học hành vi khác như: khoa học quản lý, giáo dục học, tâm lý học, xã hội học, kinh tế học, nhân loại học, chính trị học... Nếu như tâm lý học chủ yếu đóng góp các cơ sở lý luận ở cấp

độ cá thể và vi mô thì các lĩnh vực khoa học còn lại giúp chúng ta hiểu biết về các khái niệm ở cấp độ vĩ mô như các quá trình về nhóm và tổ chức.

- *Khoa học quản lý:* Nếu như đối tượng nghiên cứu của khoa học quản lý là nghiên cứu các mối quan hệ trong quản lý, nhằm giải quyết những vấn đề phức tạp về kinh tế - xã hội và các mối quan hệ giữa con người với nhau trong quản lý thì đối tượng nghiên cứu của khoa học QLGD là các mối quan hệ trong quản lý được thể hiện trong môi trường của giáo dục. Vì vậy, nhiều lý thuyết, phương pháp... về quản lý được vận dụng vào trong lĩnh vực QLGD rất phù hợp.

- *Tâm lý học:* Tâm lý học là khoa học có mục đích đo đạc, giải thích và đôi khi tìm cách thay đổi hành vi của con người và các loài vật khác. Tâm lý học tiến hành các nghiên cứu nhằm giải thích các hành vi cá nhân trong tổ chức.

- *Giáo dục học:* Nếu như đối tượng của giáo dục học chính là các thành tố của quá trình giáo dục theo nghĩa rộng thì đối tượng nghiên cứu của khoa học QLGD là những mối quan hệ quản lý giữa các thành tố của chính quá trình giáo dục đó, được diễn ra ở nhiều cấp độ quản lý khác nhau.

- *Xã hội học:* Xã hội học nghiên cứu về con người trong mối quan hệ với những người khác. Xã hội học đặc biệt có những đóng góp quan trọng cho khoa học quản lý như: Hành vi nhóm trong tổ chức, động lực nhóm, thiết kế nhóm làm việc, văn hoá tổ chức, nhóm chính thống, công nghệ tổ chức, giao tiếp, quyền lực và xung đột trong một tổ chức.

- *Tâm lý học xã hội:* Tâm lý học xã hội là một nhánh của tâm lý học kết hợp các khái niệm giữa tâm lý học và xã hội học. Khoa học này tập trung các nghiên cứu về sự ảnh hưởng lẫn nhau giữa con người. Một trong lĩnh vực nghiên cứu chính của tâm lý học xã hội là sự thay đổi, cách thức tiến hành thay đổi và giảm thiểu các ngăn cản chấp nhận thay đổi. Ngoài ra tâm lý học xã hội còn có các đóng góp quan trọng về đo đạc, nhận thức và thay đổi thái độ, mẫu giao tiếp, thoả mãn cá nhân thông qua hoạt động nhóm, quá trình đưa ra quyết định nhóm trong một tổ chức.

- *Nhân loại học:* Nhân loại học là các nghiên cứu

về con người và các hoạt động của họ. Các công trình nghiên cứu về nhân loại học về văn hóa và môi trường giúp chúng ta hiểu biết về sự khác nhau về các giá trị nền tảng, thái độ và hành vi của con người ở các đất nước khác nhau và trong các tổ chức khác nhau. Hầu hết các khái niệm hiện đại về văn hoá tổ chức, môi trường tổ chức, sự khác biệt giữa các văn hoá dân tộc đều được xây dựng dựa trên các nghiên cứu và phương pháp luận của nhân loại học.

- *Khoa học chính trị*: Khoa học chính trị tiến hành các nghiên cứu về hành vi cá nhân và nhóm trong một môi trường thể chế chính trị nhất định. Các nghiên cứu về khoa học chính trị có những đóng góp quan trọng đối với khoa học QLGD. Cụ thể là các nghiên cứu về cấu trúc xung đột, phân bổ quyền lực, vận động quyền lực để đạt mục đích các nhân trong một tổ chức v.v...

3. Nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục

Nghiên cứu khoa học QLGD là một hoạt động khoa học đặc thù trong lĩnh vực giáo dục. Nó là một hoạt động có tính hệ thống, xuất phát từ khó khăn nảy sinh trong hoạt động QLGD hay từ nhu cầu nhận thức hoạt động QLGD trong thực tiễn, cố gắng hiểu biết nhằm tìm ra được cách giải thích một cách khoa học có kiểm chứng về cấu trúc, cơ chế vận hành, cùng biện chứng của sự phát triển của một cơ sở hay hệ thống giáo dục nào đó, hay nhằm khám phá ra những khái niệm, những quy luật mới của thực tiễn QLGD mà trước đó chưa ai biết đến.

Sản phẩm của nghiên cứu khoa học QLGD là những hiểu biết mới về hoạt động QLGD (những chân lý mới, phương pháp và giải pháp quản lý mới, lý thuyết mới, những dự báo có căn cứ). Hoạt động nghiên cứu khoa học QLGD là hoạt động sáng tạo ở nhiều cấp độ khác nhau: Sáng tạo ra tri thức mới, kinh nghiệm mới, phương pháp mới trong hoạt động QLGD. Những công việc chủ yếu của nghiên cứu khoa học QLGD gồm:

(1) Xây dựng khung lý thuyết: Đây là bước khó khăn nhất của một đề tài nghiên cứu. Khung lý thuyết được xây dựng trên cơ sở những tiếp cận và phương pháp tiếp cận khoa học khác nhau. Khung lý thuyết thể hiện quan điểm khoa học của nhà nghiên cứu, nó là cơ sở để triển khai các bước tiếp theo của quy trình nghiên cứu.

(2) Thu thập dữ liệu: Sau khi xác định cho mình một đề tài nghiên cứu thì việc trước tiên là phải tìm thấy những sự kiện có liên quan đến đề tài. Bằng các phương pháp điều tra, quan sát, đo đạc, làm thí nghiệm... để có những tài liệu, số liệu cần thiết cho công việc phục vụ cho một mục đích nào đó tiếp theo. Còn gọi là thu thập dữ liệu. Dữ liệu là sự kiện được thu gọn lại trong các hình ảnh, con số, văn bản... vì vậy nếu phương pháp thu thập dữ liệu không tốt (không thật, không chính xác, không đa dạng...) thì những kết quả của nghiên cứu khoa học sẽ không trung thực, sai lệch với thực tiễn và sẽ không trở thành tri thức khoa học.

(3) Sắp xếp dữ liệu: Qua những hoạt động nghiên cứu ban đầu, ta thu được rất nhiều dữ liệu. Cần sắp xếp chúng lại theo hệ thống, thứ, loại, thậm chí có thể sàng lọc bớt những dữ liệu không cần thiết hoặc quyết định bổ sung thêm dữ liệu mới để công việc cuối cùng được đơn giản hơn.

(4) Xử lý dữ liệu: Đây là công việc quan trọng nhất,

giá trị nhất của nghiên cứu khoa học. Một lần nữa, nhà nghiên cứu phải phân tích các dữ liệu để có thể đoán nhận, khái quát hóa thành kết luận. Nếu dữ liệu là những con số cần xử lý bằng thống kê, rút ra kết quả từ các đại lượng tính được. Tư duy khoa học bắt đầu từ đây.

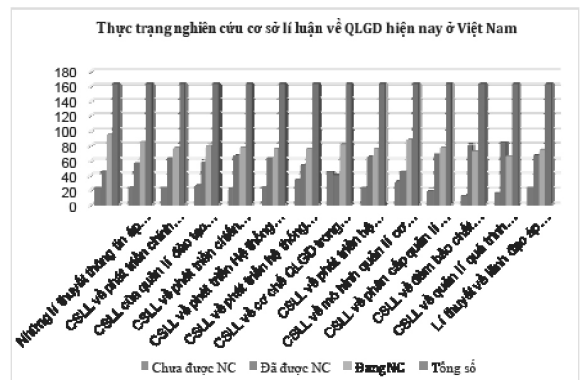
(5) Khái quát hóa toàn bộ công trình, rút ra kết luận chung cho đề tài nghiên cứu.

4. Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý giáo dục

Để khoa học QLGD có những đóng góp quan trọng và thiết thực cho sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục nước nhà trong thời gian tới, cần tiến hành tổng kết lịch sử phát triển của khoa học QLGD của Việt Nam và tiếp cận với những lý thuyết quản lý được vận dụng vào thực tiễn giáo dục để có cơ sở hoạch định chiến lược cho sự phát triển khoa học này trong thời gian tới. Những hướng nghiên cứu cơ sở lý luận về QLGD hiện nay: Nghiên cứu các lý thuyết về quản lý áp dụng vào QLGD (TQM, ISO, quản lý sự thay đổi, lý thuyết về quản lý cơ sở giáo dục của T. Bush, mô hình quản lý CIPO...); Những lý thuyết thông tin áp dụng vào QLGD; Cơ sở lý luận về phát triển chính sách giáo dục; Những lý thuyết đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; Cơ sở lý luận về phát triển chiến lược và kế hoạch giáo dục; Cơ sở lý luận về phát triển hệ thống giáo dục; Cơ sở lý luận về phát triển hệ thống chuẩn trong giáo dục; Cơ sở lý luận về cơ chế QLGD trong nền kinh tế thị trường; Cơ sở lý luận về phát triển hệ thống, mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo; Cơ sở lý luận về mô hình quản lý cơ sở giáo dục trong nền kinh tế thị trường; Cơ sở lý luận về phân cấp quản lý trong giáo dục; Cơ sở lý luận về đảm bảo chất lượng trong giáo dục; Cơ sở lý luận về quản lý quá trình đào tạo; Lý thuyết về lãnh đạo áp dụng trong cơ sở giáo dục (Biểu đồ 1).

Những hướng nghiên cứu cơ sở lý luận về QLGD nói trên, trong đó:

- Những đề tài đã và đang nghiên cứu, các lý thuyết về quản lý áp dụng vào QLGD (TQM, ISO, quản lý sự thay đổi, lý thuyết về quản lý cơ sở giáo dục, mô hình quản lý CIPO... chiếm tới 86,4%.
- Những đề tài đã và đang nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý quá trình đào tạo chiếm tới 90,7%.
- Trong khi những vấn đề thực tiễn đang đòi hỏi phải giải đáp như cơ sở lý luận về cơ chế QLGD trong nền kinh tế thị trường các đề tài mới chiếm 26,5%.
- Cơ sở lý luận của quản lý đào tạo đáp ứng nhu cầu



Biểu đồ 1: Thực trạng nghiên cứu cơ sở lý luận về QLGD hiện nay ở Việt Nam



xã hội mới chiếm 16,0%.

- Cơ sở lý luận về phân cấp quản lý trong giáo dục chiếm 11,1%.

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn đổi mới căn bản QLGD, những hướng nghiên cứu cơ sở lý luận về QLGD nói trên còn một số bất cập sau:

- Chưa có hướng nghiên cứu nhằm phát huy vai trò của công nghệ thông tin và các thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại trong QLGD.

- Còn rất ít những nghiên cứu nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, nhất là về chương trình, nội dung và chất lượng giáo dục - đào tạo đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo của nước ngoài tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

- Hầu như chưa có những nghiên cứu về phân định công tác quản lý nhà nước với quản trị của cơ sở giáo dục và đào tạo.

- Hầu như chưa có những nghiên cứu về trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo và trách nhiệm quản lý theo ngành, lãnh thổ của các bộ, ngành, địa phương và công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý các cấp; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch trong giáo dục.

- Chưa có những nghiên cứu những lý luận QLGD trong cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

5. Nghiên cứu cơ sở thực tiễn về quản lý giáo dục

Lịch sử hình thành và phát triển khoa học QLGD Việt Nam xuất phát từ nhu cầu của thực tiễn giáo dục được bắt đầu bằng những nghiên cứu tổng kết thực tiễn các điển hình tiên tiến về giáo dục và QLGD bằng những phương pháp tiếp cận khoa học, đó là cách dạy và cách học của Trường THCS Bắc Lý tỉnh Nam Định, tổ chức, quản lý quá trình giáo dục của Trường "Thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa hòa bình" và tổ chức xây dựng xã hội học tập của xã Cẩm Bình, Hà Tĩnh. Trong giai đoạn hiện nay, để đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển, khoa học QLGD không chỉ nghiên cứu cơ sở thực tiễn về QLGD trong nước mà còn nghiên cứu những kinh nghiệm QLGD của nước ngoài theo các hướng sau: Kinh nghiệm các nước trong QLGD; Kinh nghiệm thực tiễn QLGD của Việt Nam; Cơ sở thực tiễn về phát triển chính sách giáo dục; Cơ sở thực tiễn về phát triển chiến lược và kế hoạch giáo dục; Những tác động của chính sách phát triển giáo dục; Cơ sở thực tiễn của quản lý đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; Cơ sở thực tiễn về phát triển hệ thống giáo dục; Cơ sở thực tiễn về phát triển hệ thống chuẩn trong giáo dục; Cơ sở thực tiễn về cơ chế quản lý hệ thống giáo dục theo vùng và lãnh thổ; Cơ sở thực tiễn về phát triển hệ thống, mạng lưới cơ sở giáo dục; Cơ sở thực tiễn về mô hình quản lý cơ sở giáo dục trong nền kinh tế thị trường; Cơ sở thực tiễn về tự chủ và tự chịu trách nhiệm xã hội của cơ sở giáo dục; Cơ sở thực tiễn về đảm bảo chất lượng trong giáo dục; Cơ sở thực tiễn về quản lý quá trình đào tạo; Cơ sở thực tiễn về lãnh đạo trong giáo dục (Biểu đồ 2).

Những hướng nghiên cứu thực tiễn về QLGD nói trên, trong đó:

- Những đề tài đã và đang nghiên cứu có tham khảo kinh nghiệm các nước trong QLGD chiếm tới 92,0%.

- Những đề tài đã và đang nghiên cứu có đánh giá thực tiễn QLGD của Việt Nam chiếm tới 97,5%.

- Trong khi những vấn đề thực tiễn đang đòi hỏi phải giải đáp như: Cơ sở thực tiễn về cơ chế quản lý hệ thống giáo dục theo vùng và lãnh thổ mới chiếm 24,7%.

- Cơ sở thực tiễn về mô hình quản lý cơ sở giáo dục trong nền kinh tế thị trường mới chiếm 19,8%.

- Cơ sở thực tiễn về phát triển chính sách giáo dục chiếm 11,7%.

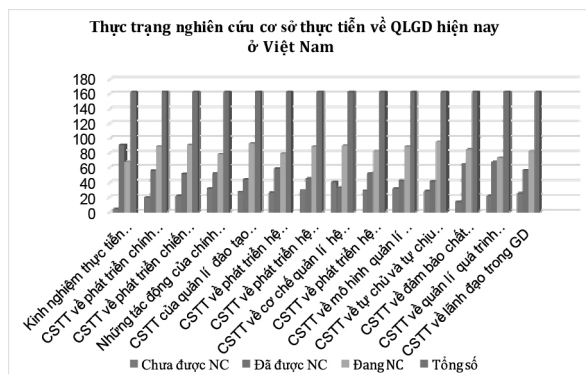
- Cơ sở thực tiễn về phát triển hệ thống giáo dục mới chiếm 15,4%.

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn đổi mới QLGD, những hướng nghiên cứu thực tiễn về QLGD nói trên còn một số bất cập sau: Còn ít những nghiên cứu thực tiễn về gắn kết giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động; Còn ít những nghiên cứu thực tiễn về tính liên thông giữa các trình độ đào tạo và các phương thức giáo dục; Hầu như chưa có những nghiên cứu thực tiễn về những bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu đội ngũ nhà giáo và cán bộ QLGD; Còn ít những nghiên cứu thực tiễn về kinh tế giáo dục và hiệu quả đầu tư cho giáo dục và đào tạo.

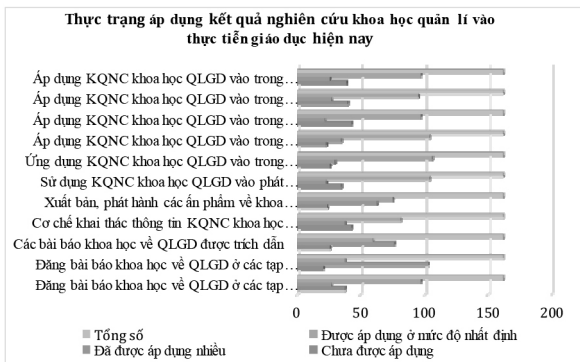
6. Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học quản lý vào thực tiễn giáo dục

Mục đích cuối cùng của nghiên cứu khoa học QLGD là áp dụng những kết quả nghiên cứu vào đổi mới và phát triển giáo dục đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Trong thời gian qua, kết quả nghiên cứu của khoa học QLGD đã được áp dụng vào thực tiễn giáo dục theo các hướng sau: Đăng bài báo khoa học về QLGD ở các tạp chí quốc tế; Đăng bài báo khoa học về QLGD ở các tạp chí trong nước; Các bài báo khoa học về QLGD được trích dẫn; Xuất bản, phát hành các ấn phẩm về khoa học QLGD; Sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học QLGD vào phát triển các chính sách giáo dục; Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học QLGD vào trong quản lý cơ sở giáo dục; Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học QLGD vào trong quản lý đội ngũ nhà giáo; Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học QLGD vào trong đổi mới chính sách, chiến lược và kế hoạch giáo dục; Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học QLGD vào trong đổi mới cơ cấu hệ thống; Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học QLGD vào trong đổi mới cơ chế QLGD (Biểu đồ 3).

Trong những hướng áp dụng kết quả nghiên cứu



Biểu đồ 2: Thực trạng nghiên cứu cơ sở thực tiễn về QLGD hiện nay ở Việt Nam



Biểu đồ 3: Thực trạng áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học quản lý vào thực tiễn giáo dục Việt Nam

QLGD vào thực tiễn nói trên:

- Những đề tài đã và đang nghiên cứu có đăng bài báo khoa học ở các tạp chí trong nước chiếm 63,6%.
- Những đề tài đã nghiên cứu có các bài báo khoa học được trích dẫn chiếm tới 46,9%.
- Kết quả những đề tài đã nghiên cứu được xuất bản, phát hành chiếm tới 38,9%.
- Trong khi chỉ có 21,6% số đề tài có những khuyến nghị về chính sách phát triển giáo dục.
- Số đề tài có đăng bài báo khoa học ở các tạp chí quốc tế chỉ chiếm 23,4%.
- Số đề tài có áp dụng kết quả nghiên cứu vào trong đổi mới cơ cấu hệ thống chiếm 24,7%.

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn đổi mới QLGD, những hướng áp dụng kết quả nghiên cứu QLGD vào thực tiễn nói trên còn một số bất cập sau:

- Số lượng đề tài có những bài báo đăng quốc tế còn quá ít. Điều này chứng tỏ trình độ phát triển khoa học QLGD nói chung và phương pháp nghiên cứu của chúng ta chưa đạt được trình độ quốc tế. Trong vòng 10 năm (1996-2005), tổng số bài báo khoa học thuộc tất cả các ngành mà Việt Nam công bố quốc tế là 3.456 bài, trong đó khối Kinh tế và Khoa học xã hội chỉ có lần lượt 2,5%, 1,6% số lượng và số lượt các bài được trích dẫn cũng rất thấp (23,1% chưa được trích dẫn lần nào, 44,5% được trích từ 1 - 5 lần).

- Cơ chế tổ chức triển khai áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn QLGD còn thiếu.

- Mới có cơ chế đầu thầu đề tài nghiên cứu nhưng cơ chế đặt hàng nghiên cứu còn hạn chế.

- Tiêu chuẩn đánh giá kết quả nghiên cứu đề tài khoa học chưa khách quan và không theo chuẩn quốc tế.

7. Kết luận

Bằng những phương pháp khác nhau, chúng tôi đã đánh giá thực trạng và xác định được những bất cập trong nghiên cứu khoa học QLGD ở một số mặt sau: Nghiên cứu cơ sở lý luận về QLGD, nghiên cứu cơ sở thực tiễn về QLGD, nghiên cứu áp dụng kết quả vào thực tiễn giáo dục. Từ những thực trạng và bất cập nói trên, các nhà nghiên cứu và QLGD có những cơ sở thực tiễn, để xuất những giải pháp phát triển bộ môn Khoa học QLGD, đáp ứng kịp thời sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục của nước nhà.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phạm Minh Hạc, (1994), *Khoa học giáo dục trong bảng phân loại khoa học hiện đại*, Phương pháp Nghiên cứu Khoa học Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh.
- [2]. *Khoa học quản lý*, (2005), NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Lộc, (2009), *Lý luận Quản lý*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [4]. Vũ Cao Đàm, (1997), *Phương pháp luận Nghiên cứu Khoa học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [5]. Bass, B.M., (1990), *Handbook of Leadership, Theory, Research & Managerial Applications*, New York: The Free Press.
- [6]. Bryman, A., (1996), *Leadership in organizations*, pp. 276-292 in R.C. Stewart, ed., *Handbook of Organization Studies*. Sage Publications.
- [7]. Harold Koontz - Cyril Odonnell - Heinz Wehrich, (1992), *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*, tr.585-605, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
- [8]. Ronald H. Heck and Philip Hallinger, (2005), *The Study of Educational Leadership and Management: Where Does the Field Stand Today?*

THE REAL STATUS OF RESEARCH IN EDUCATION MANAGEMENT

Phan Van Nhan

The Vietnam Institute of Educational Sciences

Email: thucnghiem106@yahoo.com

Abstract: The paper presents some research findings on the status of research in education management. The study results point out limitations of research, theoretical basis of management education, basis of practical education management and applied research results into practical education management. From the current situation and shortcomings mentioned above, education researchers and managers have practical basis, propose solutions for the development of education management, timely meet the basic and comprehensive educational innovation in Vietnam.

Keywords: Real status; scientific research; education management.